

UỶ BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 133 /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 13 tháng 4 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Yên Phong II - A, tỷ lệ 1/500 huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh

### UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ về việc Quy định về khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Văn bản số 1511/TTg-KTN ngày 10/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Văn bản số 1402/TTg-CN ngày 15/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án điều chỉnh quy hoạch các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Chờ và phụ cận, huyện Yên Phong (đô thị Yên Phong) đến năm 2035, tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của UBND tỉnh Bắc Ninh phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu công nghiệp Yên Phong II, tỷ lệ 1/5.000, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; số 430/QĐ-UBND ngày 11/11/2021

*của UBND tỉnh Bắc Ninh phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Yên Phong II - A, tỷ lệ 1/2.000, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh;*

*Căn cứ Kết luận số 690-KL/TU ngày 31/03/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đồ án Quy hoạch chi tiết KCN Yên Phong II-A, tỷ lệ 1/500, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh;*

*Theo đề nghị của Ban quản lý các khu công nghiệp Bắc Ninh tại Báo cáo thẩm định số 41/BC-BQLCKCN ngày 11/4/2023 về Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Yên Phong II - A, tỷ lệ 1/500, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Yên Phong II - A, tỷ lệ 1/500, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Yên Phong II - A, tỷ lệ 1/500, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

2. Vị trí, ranh giới lập quy hoạch

- Phạm vi nghiên cứu trên toàn bộ diện tích xã Tam Giang và Hòa Tiên, tập trung nghiên cứu ở khu vực giới hạn bởi đường Quốc lộ 18, QL 3, và đê sông Cà Lồ, như sau:

+ Phía Bắc giáp đê sông Cà Lồ;

+ Phía Đông giáp QL.3;

+ Phía Tây giáp đê sông Cà Lồ;

+ Phía Nam giáp ruộng canh tác thôn Yên Vĩ và QL.18.

3. Quy mô quy hoạch

- Quy mô đất: Tổng diện tích lập quy hoạch khoảng 1.588.098,57 m<sup>2</sup> (158,81 ha) trong đó:

+ Công nghiệp: khoảng 1.512.727,19 m<sup>2</sup> (151,27 ha);

+ Đất cải tạo mở rộng nghĩa trang hiện hữu khoảng 75.371,38 m<sup>2</sup> (7,50 ha);

- Quy mô số lượng công nhân, người lao động khoảng: 15.100 người;

4. Tính chất quy hoạch:

- Là khu công nghiệp tập trung thân thiện với môi trường có đầy đủ các khu vực chức năng: Hành chính - dịch vụ; cây xanh; hạ tầng kỹ thuật, giao thông, bãi đỗ xe; đất xây dựng nhà máy.

5. Quy hoạch sử dụng đất

Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Yên Phong II - A, tỷ lệ 1/500, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh được quy hoạch với đầy đủ chức năng cụ thể như sau:

- Đất khu hành chính, dịch vụ: Đất khu điều hành và dịch vụ được bố trí tại vị trí gần nút giao đường QL3 với QL18 của khu quy hoạch, khu đất bố trí nhà

điều hành và dịch vụ như ngân hàng, văn phòng ban quản lý hoặc doanh nghiệp quản lý khu công nghiệp, khu trưng bày giới thiệu sản phẩm, văn phòng, trung tâm điều hành logistics,... đảm bảo phù hợp với chức năng sử dụng đất theo quy định; Tổng diện tích đất điều hành là **174.996,65 m<sup>2</sup>** chiếm 11,57% diện tích đất khu công nghiệp.

Stt	Kí hiệu	Loại Đất	Diện tích	Tỉ lệ	Mật độ XD tối đa	Tầng cao tối đa
			(m <sup>2</sup> )	(%)	(%)	(tầng)
<b>I</b>	<b>HCDV</b>	<b>Đất công trình hành chính, dịch vụ</b>	<b>174.996,65</b>	<b>11,57</b>	<b>50</b>	<b>9</b>
1.1	HCDV1	Đất công trình hành chính, dịch vụ	87.810,98	5,80	50	9
1.2	HCDV2	Đất công trình hành chính, dịch vụ	23.594,82	1,56	50	9
1.3	HCDV3	Đất công trình hành chính, dịch vụ	63.590,85	4,20	50	9

- Đất nhà máy kho tàng: Bao gồm các lô đất xây dựng nhà máy sản xuất, kho tàng. Tổng diện tích đất là **831.966,02 m<sup>2</sup>** chiếm **55,00%** diện tích đất khu công nghiệp.

Stt	Kí hiệu	Loại Đất	Diện tích	Tỉ lệ	Mật độ XD tối đa	Tầng cao tối đa
			(m <sup>2</sup> )	(%)	(%)	(tầng)
<b>II</b>	<b>CN</b>	<b>Đất nhà máy, kho tàng</b>	<b>831.966,02</b>	<b>55,00</b>	<b>60</b>	<b>7</b>
2.1	CN1	Đất nhà máy, kho tàng	54.986,37	3,63	60	7
2.2	CN2A	Đất nhà máy, kho tàng	200.000,00	13,22	60	7
2.3	CN2B	Đất nhà máy, kho tàng	174.559,98	11,54	60	7
2.4	CN3	Đất nhà máy, kho tàng	31.411,93	2,08	60	7
2.5	CN4A	Đất nhà máy, kho tàng	121.271,36	8,02	60	7
2.6	CN4B	Đất nhà máy, kho tàng	119.575,18	7,90	60	7
2.7	CN5A	Đất nhà máy, kho tàng	60.158,88	3,98	60	7
2.8	CN5B	Đất nhà máy, kho tàng	70.002,32	4,63	60	7

- Đất cây xanh: Là đất xây dựng khu cây xanh công viên, hồ điều hòa và cây xanh cách ly, Diện tích **172.143,43 m<sup>2</sup>**, chiếm **11,38%** diện tích đất khu công nghiệp,

Stt	Kí hiệu	Loại Đất	Diện tích	Tỉ lệ	Mật độ XD tối đa	Tầng cao tối đa
			(m <sup>2</sup> )	(%)	(%)	(tầng)
<b>III</b>	<b>CX</b>	<b>Đất cây xanh</b>	<b>172.143,43</b>	<b>11,38</b>	-	-
3.1	CX1	Cây xanh	55.165,46	3,65	-	-
3.2	CX2	Cây xanh	2.104,74	0,14	-	-

Stt	Kí hiệu	Loại Đất	Diện tích	Tỉ lệ	Mật độ XD tối đa	Tầng cao tối đa
			(m <sup>2</sup> )	(%)	(%)	(tầng)
3.3	CX3	Cây xanh	20.654,26	1,37	-	-
3.4	CX4	Cây xanh	26.725,42	1,77	-	-
3.5	CX5	Cây xanh	17.542,09	1,16	-	-
3.6	CX6	Cây xanh	4.636,81	0,31	-	-
3.7	CX7	Cây xanh	45.314,65	3,00	-	-

- Đất mặt nước: Bao gồm đất xây dựng mương thủy lợi đảm bảo công tác tiêu nước trong khu quy hoạch, Diện tích đất mặt nước là **19.975,63m<sup>2</sup>**, chiếm **1,32%** tổng diện tích đất khu công nghiệp,

Stt	Kí hiệu	Loại Đất	Diện tích	Tỉ lệ	Mật độ XD tối đa	Tầng cao tối đa
			(m <sup>2</sup> )	(%)	(%)	(tầng)
<b>IV</b>	<b>MN</b>	<b>Đất mặt nước</b>	<b>19.975,63</b>	<b>1,32</b>	-	-
4.1	MN1	Mặt nước	4.624,14	0,31	-	-
4.2	MN2	Mặt nước	7.512,62	0,50	-	-
4.3	MN3	Mặt nước	3.826,78	0,25	-	-
4.4	MN4	Mặt nước	2.715,51	0,18	-	-
4.5	MN5	Mặt nước	1.296,58	0,09	-	-

- Đất các khu kỹ thuật: Bao gồm đất xây dựng nhà máy xử lý nước thải và VSMT, đất xây dựng nhà máy cấp nước và công trình hạ tầng kỹ thuật khác, Tổng diện tích là **46.968,39m<sup>2</sup>**, chiếm **3,10%** tổng diện tích đất khu công nghiệp,

Stt	Kí hiệu	Loại Đất	Diện tích	Tỉ lệ	Mật độ XD tối đa	Tầng cao tối đa
			(m <sup>2</sup> )	(%)	(%)	(tầng)
<b>V</b>	<b>HF</b>	<b>Đất các khu kỹ thuật</b>	<b>46.968,39</b>	<b>3,10</b>	<b>60</b>	<b>3</b>
5.1	HT1	Đất khu xử lý nước thải	22.014,48	1,46	60	3
5.2	HT2	Đất nhà máy nước	11.901,68	0,79	60	3
5.3	HT3	Đất hạ tầng kỹ thuật	8.047,15	0,53	60	3
5.4	HT4	Đất trạm bơm tiêu	5.005,08	0,33	60	3

- Đất giao thông: Bao gồm đất giao thông đối ngoại, giao thông đối nội và bãi đỗ xe, Diện tích là **266.677,07m<sup>2</sup>**, chiếm **17,63%** tổng diện tích đất khu công nghiệp.

Stt	Kí hiệu	Loại Đất	Diện tích	Tỉ lệ	Mật độ XD tối đa	Tầng cao tối đa
			(m <sup>2</sup> )	(%)	(%)	(tầng)
<b>VI</b>		<b>Đất giao thông</b>	<b>266.677,07</b>	<b>17,63</b>	-	-
6.1	P1	Đất bãi đỗ xe	8.907,64	0,59	5	2

Stt	Kí hiệu	Loại Đất	Diện tích	Tỉ lệ	Mật độ XD tối đa	Tầng cao tối đa
			(m <sup>2</sup> )	(%)	(%)	(tầng)
6.2	P2	Đất bãi đỗ xe	33.964,31	2,25	5	2
6.3		Đất đường giao thông	223.805,12	14,79	-	-

- Đất nghĩa trang: Diện tích đất nghĩa trang là 75.371,38 m<sup>2</sup>

\* Bảng tổng hợp sử dụng đất:

BẢNG TỔNG HỢP SỬ DỤNG ĐẤT						
TT	Kí hiệu	Loại Đất	Diện tích	Tỉ lệ	Mật độ XD tối đa	Tầng cao tối đa
			(m <sup>2</sup> )	(%)	(%)	(tầng)
A		Đất khu công nghiệp	1.512.727,19	100,00		
I	HCDV	Đất công trình hành chính, dịch vụ	174.996,65	11,57	50	9
II	CN	Đất nhà máy, kho tàng	831.966,02	55,00	60	7
III	CX	Đất cây xanh	172.143,43	11,38	-	-
IV	MN	Đất mặt nước	19.975,63	1,32	-	-
V	HT	Đất các khu kỹ thuật	46.968,39	3,10	60	3
VI		Đất giao thông	266.677,07	17,63	-	-
6,1	P1	Đất bãi đỗ xe	8.907,64	0,59	5	2
6,2	P2	Đất bãi đỗ xe	33.964,31	2,25	5	2
6,3		Đất đường giao thông	223.805,12	14,79	-	-
B	NT	<b>ĐẤT NGHĨA TRANG</b>	75.371,38			
<b>TỔNG DIỆN TÍCH QUY HOẠCH (A+B)</b>			<b>1.588.098,57</b>			

6. Thiết kế quy hoạch và quy định quản lý.

b) Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan cần có sự thống nhất về không gian kiến trúc toàn khu qua hệ thống trục giao thông và hành lang cây xanh. Tăng cường diện tích trồng cây xanh ở các khu đất xây dựng công trình, ở các công viên cây xanh và trên các đường để đạt một tỷ lệ cây xanh lớn, hình thành khu quy hoạch đồng bộ, bền vững, nhiều cây xanh, mặt nước.

- Khu vực có các trục không gian chính: Tuyến đường 87,5 m (gồm phần mặt nước, cây xanh ở giữa đường) chạy theo hướng Đông - Tây nối từ đường ĐT.285B đi vào trung tâm của khu quy hoạch. Đây là tuyến đường ưu tiên bố trí các công trình nhà điều hành, kết hợp với các trục đường hướng Bắc - Nam làm cơ sở để xây dựng bố cục quy hoạch.

- Trong khu quy hoạch, cụm công trình nhà máy được tổ chức phù hợp với khu đất.

- Tổ chức không gian các công trình công cộng, bãi đỗ xe, hạ tầng kỹ thuật

và công trình sản xuất đảm bảo thuận tiện khi sử dụng.

- Khoanh vùng nghĩa trang hiện tại, cải tạo, trồng cây xanh theo hướng “công viên nghĩa trang”.

- Quy định cụ thể cao độ nền, cao độ các tầng công trình, hình thức kiến trúc của các công trình về hình khối, màu sắc và các yêu cầu về vật liệu xây dựng công trình.

- Tăng cường diện tích trồng cây xanh ở các khu đất xây dựng công trình, ở các công viên cây xanh và trên các đường để đạt một tỷ lệ cây xanh lớn, hình thành khu quy hoạch đồng bộ, bền vững.

#### 7. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật

##### a) Quy hoạch cao độ nền, thoát nước mặt:

- Cao độ san nền được thiết kế theo chế độ thủy văn và thông số thiết kế của kênh Vọng Nguyệt, trạm bơm Vọng Nguyệt và cao độ hiện trạng của khu dân cư lân cận và tuân thủ theo quy hoạch chung, quy hoạch phân khu.

- Hướng thoát nước chính Tây - Đông, nước được thu gom bằng hệ thống cống, rãnh, hệ thống mương hở sau đó đổ về trạm bơm Vọng Nguyệt bơm ra sông Cầu.

##### b) Quy hoạch giao thông:

- Các tuyến giao thông chính tuân thủ theo quy hoạch chung, quy hoạch mạng lưới giao thông theo dạng mạng ô ban cờ.

- Các mặt cắt ngang điển hình:

+ Mặt cắt 1-1 :  $87,5\text{m} = 6,0\text{ m} + 10,5\text{ m} + 54,5\text{ m}$  ( dải phân cách giữa bố trí cây xanh cảnh quan kết hợp với kênh thoát nước mưa) +  $10,5\text{ m} + 6,0\text{ m}$ ;

+ Mặt cắt 2-2 :  $42,0\text{m} = 8,0\text{ m} + 10,5\text{ m} + 5,0\text{ m}$  (dải phân cách giữa) +  $10,5\text{ m} + 8,0\text{ m}$ ;

+ Mặt cắt 3-3 :  $24,0\text{m} = (4,5\text{ m} + 15,0\text{ m} + 4,5\text{ m})$ ;

+ Mặt cắt 4-4:  $21,5\text{m} = (5,0\text{m} + 11,5\text{m} + 5,0\text{m})$ ;

+ Mặt cắt 5-5:  $41,0\text{m} = 8,0\text{ m} + 7,5\text{ m} + 10,0\text{ m}$  (dải phân cách giữa) +  $7,5\text{ m} + 8,0\text{ m}$ ;

+ Mặt cắt 6-6:  $20,5\text{m} = 5,0\text{m} + 10,5\text{ m} + 5,0\text{m}$ ;

##### c) Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn cấp điện: dự kiến lấy từ trạm điện 110 KV/35/22 KV Yên Phong 8, công suất 3x63MVA hoặc xây dựng mới và tự kinh doanh tại khu đất hạ tầng kỹ thuật nằm trong khu quy hoạch đảm bảo theo quy hoạch phát triển điện lực, quy hoạch chung.

- Thiết kế hệ thống cung cấp điện Khu công nghiệp Yên Phong II-A sử dụng hệ thống lưới điện 22kV được thiết kế theo dạng vòng kết hợp hình tia, phân nhánh.

- Các đường điện trên không 35kV hiện trạng được cải tạo chuyển sang vận hành theo cấp điện áp 22kV. Những tuyến điện xuống cấp, không phù hợp với quy hoạch giao thông và quy hoạch sử dụng đất hoặc không đảm bảo tiết diện để tải điện thì được dỡ bỏ, dịch chuyển theo các tuyến 22kV mới.

- Từ trạm biến áp 110kV xây dựng các lộ ra 22kV AC-240 trực chính cấp điện cho các nhà máy, khu dịch vụ, nhà ở trong khu quy hoạch.

- Điện chiếu sáng các tuyến đường: Nguồn cấp điện cho hệ thống chiếu sáng lấy từ tủ điện tổng của trạm biến áp chiếu sáng đường hoặc trạm biến áp của các khu công cộng. Cấp điện chiếu sáng sử dụng cáp ngầm hoặc nổi.

- Tổng công suất khoảng 56.545 kVA.

*d) Quy hoạch cấp nước:*

- Nguồn cấp: Xây dựng nhà máy cấp nước mới cấp nước cho toàn khu công nghiệp với công suất đảm bảo cấp nước cho toàn khu quy hoạch, với nguồn nước được lấy từ nước mặt sông Cầu (đầu tư phân kỳ) hoặc sử dụng các nhà máy nước sạch có sẵn nếu phù hợp về mặt quy hoạch, công suất.

- Tổng công suất cấp nước khoảng 7.000 m<sup>3</sup>/Ngày đêm.

- Hệ thống đường ống cấp nước cho khu dự án được thiết kế dạng mạng vòng kết hợp nhánh cụt.

- Mạng cấp nước được xây dựng vừa cấp nước sản xuất, sinh hoạt vừa cấp nước chữa cháy, hệ thống các trụ cứu hỏa được lắp đặt ngay trên các đường ống cấp nước chính với bán kính phục vụ là 150 m.

- Tại các ống nhánh vào từng khu vực trên mạng lưới cấp nước, bố trí các van khóa nhằm đảm bảo việc sửa chữa vận hành dễ dàng nhanh chóng.

- Cấp nước từ hệ thống đường ống phân phối vào các đối tượng dùng nước sẽ được thực hiện bằng đai khởi thủy nhằm hạn chế tối đa sự rò rỉ và hư hại trên toàn bộ hệ thống mạng lưới.

- Ống sử dụng trong hệ thống là ống có đường kính ống từ D110 - D500 mm.

*e) Quy hoạch thoát nước thải, vệ sinh môi trường:*

- Xây dựng trạm xử lý nước thải có công suất đảm bảo phục vụ nhu cầu khu công nghiệp (đầu tư phân kỳ).

- Thiết kế hệ thống thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa. Mạng lưới đường cống được bố trí dọc theo các tuyến đường. Sử dụng ống thoát nước có đường kính D300-D400 mm.

- Bố trí các trạm bơm tăng áp tại các vị trí bất lợi trong tuyến cống để tăng áp tự chảy và giảm độ sâu đặt cống.

- Nước thải sau xử lý phải đạt cột A - QCVN40:2011/BTNMT trước khi xả ra môi trường đảm bảo yêu cầu đã phê duyệt tại Quyết định 2047/QĐ-TNMT ngày 16/9/2020 của Bộ tài nguyên môi trường.

- Rác thải: Gồm rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp.

+ Rác thải sinh hoạt được thu gom tập kết sau đó chuyển về bãi rác tập trung của khu vực.

+ Rác thải công nghiệp phát sinh trong quá trình sản xuất sẽ được các doanh nghiệp khu công nghiệp ký hợp đồng thu gom xử lý với đơn vị có chức năng theo quy định.



f) Thông tin liên lạc:

- Tổng nhu cầu thuê bao dự kiến khoảng: 6.708 thuê bao;
- Toàn bộ hệ thống thông tin liên lạc sẽ được đặt trong hào, công cấp kỹ thuật;

g) Đánh giá môi trường chiến lược:

- Khu vực quy hoạch khu công nghiệp chủ yếu là đất nông nghiệp, đường nội đồng... nên ít bị ảnh hưởng. Trong giai đoạn thi công xây dựng tác động ảnh hưởng tới môi trường với các nguồn gây ô nhiễm môi trường từ hoạt động xây dựng.

- Đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch chung của khu công nghiệp. Phát triển cây xanh trong khu quy hoạch, đặc biệt là cây xanh tại các trục đường để giảm thiểu khói bụi, tiếng ồn.

- Nguồn chất thải rắn phát sinh tại khu quy hoạch cần đầu tư trang bị hệ thống thùng thu gom và khu vực tập trung. Sau đó chất thải rắn được vận chuyển đến điểm xử lý chất thải rắn tập trung của khu. Khi làm Dự án đầu tư cần thực hiện nghiêm chỉnh việc xây dựng báo cáo đánh giá tác động môi trường cũng như triển khai thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường đã được đề ra trong đồ án quy hoạch đã duyệt.

- Các dự án đầu tư thứ cấp trong khu vực cần thực hiện nghiêm chỉnh việc xây dựng báo cáo ĐTM cũng như triển khai thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

**Điều 2.** Giao Công ty Cổ phần Hạ tầng Western Pacific chủ trì, phối hợp với UBND huyện Yên Phong tổ chức công bố công khai quy hoạch, cấm mốc giới quy hoạch ngoài thực địa.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Ban quản lý các khu công nghiệp Bắc Ninh; các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và môi trường, Tài chính, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND huyện Yên Phong; UBND các xã Tam Giang; xã Hòa Tiến; Tổng Giám đốc Công ty cổ phần hạ tầng Western Pacific và các tổ chức, cơ quan có liên quan căn cứ quyết định thực hiện.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3;
- TTTU (b/c);
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- TTHU, TT HĐND huyện Yên Phong;
- Ban quản lý các khu công nghiệp Bắc Ninh;
- Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, XDCB, CVP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Đào Quang Khải